

Số: **1567**/2016/CV-HT1

Tp. Hồ Chí Minh, ngày **20-10-2016**

V/v giải trình kết quả kinh doanh Quý III/2016



Kính gửi: - **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HCM**

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP xi măng Hà Tiên 1 (Mã CK: HT1) xin giải trình kết quả kinh doanh quý III/2016, tóm tắt như sau:

STT	Chỉ tiêu	Quý III/2016	Quý III/2015	Chênh lệch	% Chênh lệch so với QIII/2015
1	2	3	4	5 = 3 - 4	6 = 5/4
1	Doanh thu thuần	2.113.936.886.240	1.909.007.198.023	204.929.688.217	10,7%
2	Giá vốn	1.638.045.948.592	1.468.476.292.637	169.569.655.955	11,5%
3	Lợi nhuận gộp	475.890.937.648	440.530.905.386	35.360.032.262	8,0%
4	Thu nhập từ hoạt động tài chính	(84.116.523.689)	(181.553.586.979)	97.437.063.290	
	Doanh thu tài chính	16.475.970.802	(72.180.481.096)	88.656.451.898	-122,8%
	Chi phí tài chính	100.592.494.491	109.373.105.883	(8.780.611.392)	-8,0%
5	Chi phí bán hàng, quản lý	79.018.541.358	82.551.277.266	(3.532.735.908)	-4,3%
6	Lợi nhuận khác	9.700.405.982	205.008.329	9.495.397.653	4631,7%
7	Lợi nhuận trước thuế	322.456.278.583	176.631.049.470	145.825.229.113	82,6%

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý III/2016 của Công ty tăng 145,8 tỷ đồng so với Quý III/2015 chủ yếu do:

- Tăng sản lượng tiêu thụ xi măng so với cùng kỳ năm trước.
- Giảm lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư vay ngoại tệ tại thời điểm cuối Quý III/2016 so với cùng kỳ năm trước.
- Giảm chi phí lãi vay so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu phòng TCKT, TCHC.



CÔNG TY CP XI MĂNG HÀ TIÊN 1 ✓

NGƯỜI GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tuấn Anh



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, P. Cầu Kho, Q1, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý III kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

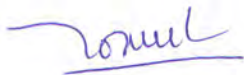
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2016

Đơn vị tính: VND

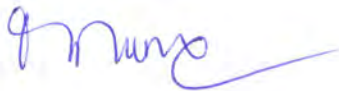
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý III	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.754.650.260.318	1.363.841.725.865
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		334.207.223.611	345.519.758.971
1. Tiền	111	V.1	334.207.223.611	345.519.758.971
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	6.247.816.100	7.188.937.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		10.776.291.414	10.776.291.414
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(4.528.475.314)	(3.587.354.414)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		478.929.920.018	387.099.641.577
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	434.112.304.613	323.667.195.426
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		29.420.130.501	40.381.795.015
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	16.558.140.188	25.812.310.436
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3	(2.761.659.300)	(2.761.659.300)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.601.004.016	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	918.481.024.273	610.488.212.390
1. Hàng tồn kho	141		928.757.692.496	645.257.818.054
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10.276.668.223)	(34.769.605.664)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.784.276.316	13.545.175.927
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	12.552.552.968	4.140.265.956
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.231.723.348	9.366.324.221
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	38.585.750
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.215.296.977.180	10.555.641.608.585
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		12.093.867.633	10.617.995.037
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	12.093.867.633	10.617.995.037
II. Tài sản cố định	220		8.819.783.160.498	9.247.731.952.397
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	8.709.587.002.329	9.142.619.274.892
<i>Nguyên giá</i>	222		13.768.958.758.255	13.811.350.540.176
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(5.059.371.755.926)	(4.668.731.265.284)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	110.196.158.169	105.112.677.505
<i>Nguyên giá</i>	228		128.807.284.310	121.294.723.910
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(18.611.126.141)	(16.182.046.405)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.137.599.415.434	1.013.379.529.915
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	1.137.599.415.434	1.013.379.529.915
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	42.239.000.000	41.112.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		10.200.000.000	10.200.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		56.000.000.000	56.000.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(23.961.000.000)	(25.088.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		203.581.533.615	242.800.131.236
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	49.721.639.308	56.113.998.258
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.17	7.492.821.556	8.898.572.672
3. Thiết bị, vật tư phụ tùng thay thế dài hạn	263		146.367.072.751	177.787.560.306
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		11.969.947.237.498	11.919.483.334.450

Cho quý III kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016
Bảng cân đối kê toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý III	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		7.027.420.129.493	7.493.032.065.060
I. Nợ ngắn hạn	310		3.158.529.054.656	3.070.124.452.088
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	855.053.840.619	911.117.587.428
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		46.301.990.372	36.950.272.261
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	123.444.984.789	120.449.111.637
4. Phải trả người lao động	314		122.435.917.433	106.875.634.037
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	50.926.205.930	77.056.778.853
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	138.634.543.220	104.117.791.084
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	48.767.311.971	102.886.347.643
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	1.517.645.419.001	1.541.823.432.543
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.16	194.769.020.728	51.866.723.166
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		60.549.820.593	16.980.773.436
II. Nợ dài hạn	330		3.868.891.074.837	4.422.907.612.972
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10	3.863.103.894.043	4.417.023.812.778
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.16	5.787.180.794	5.883.800.194
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.942.527.108.005	4.426.451.269.390
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	4.942.527.108.005	4.426.451.269.390
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.180.000.000.000	3.180.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>3.180.000.000.000</i>	<i>3.180.000.000.000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		70.790.410.045	70.790.410.045
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		5.517.214.120	5.517.214.120
4. Cổ phiếu quỹ	415		(902.752.100)	(902.752.100)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		238.477.139.008	202.019.139.008
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.448.645.096.932	969.027.258.317
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>819.609.258.317</i>	<i>230.332.767.465</i>
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>629.035.838.615</i>	<i>738.694.490.852</i>
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		11.969.947.237.498	11.919.483.334.450

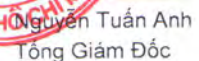


Nguyễn Thị Loan
Người lập biểu



Lê Thị Phương Dung
Trưởng Phòng Tài Chính Kế Toán




Nguyễn Tuấn Anh
Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIỀN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, P. Cầu Kho, Q1, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý III kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý III năm 2016

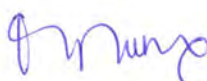
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.244.677.415.290	2.008.908.118.203	6.424.194.140.525	5.853.692.447.720
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	130.740.529.050	99.900.920.180	382.260.245.310	281.917.947.960
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	2.113.936.886.240	1.909.007.198.023	6.041.933.895.215	5.571.774.499.760
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.638.045.948.592	1.468.476.292.637	4.772.759.945.722	4.342.680.100.463
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		475.890.937.648	440.530.905.386	1.269.173.949.493	1.229.094.399.297
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	16.475.970.802	(72.180.481.096)	43.199.970.800	39.974.866.516
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	100.592.494.491	109.373.105.883	304.790.979.520	338.444.607.289
Trong đó: chi phí lãi vay	23		86.145.792.107	101.454.419.994	264.265.515.465	322.704.761.529
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	36.321.044.712	20.743.993.961	102.986.507.954	59.679.549.961
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	42.697.496.646	61.807.283.305	136.927.258.813	185.201.118.057
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		312.755.872.601	176.426.041.141	767.669.174.006	685.743.990.506
11. Thu nhập khác	31	VI.7	10.198.644.618	320.312.128	21.434.837.720	516.052.320
12. Chi phí khác	32	VI.8	498.238.636	115.303.799	1.052.024.562	874.762.898
13. Lợi nhuận khác	40		9.700.405.982	205.008.329	20.382.813.158	(358.710.578)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		322.456.278.583	176.631.049.470	788.051.987.164	685.385.279.928
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		64.491.255.717	38.858.830.883	157.610.397.433	150.784.761.584
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.17	(22.764.312)	-	1.405.751.116	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>257.987.787.178</u>	<u>137.772.218.587</u>	<u>629.035.838.615</u>	<u>534.600.518.344</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		<u>811</u>	<u>433</u>	<u>1.978</u>	<u>1.681</u>

TP.HCM, ngày 20 tháng 10 năm 2016



Nguyễn Thị Loan
Người lập biểu



Lê Thị Phương Dung
Trưởng Phòng Tài Chính Kế Toán



Nguyễn Tuấn Anh
Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, P. Cầu Kho, Q1, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý III kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kê từ đầu năm đến cuối quý này	
			QIII.2016	QIII.2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		788.051.987.164	685.385.279.928
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		461.580.385.189	450.123.019.558
- Các khoản dự phòng	03		118.126.861.621	97.695.275.352
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		18.081.170.693	1.736.513.096
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(54.011.074.063)	(27.038.550.641)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	264.265.515.465	322.704.761.529
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.596.094.846.069	1.530.606.298.822
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(88.133.289.914)	(49.940.580.001)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(252.079.386.887)	23.790.494.414
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(30.317.159.150)	(186.059.560.273)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.019.928.062)	76.776.185.409
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	(19.692.000)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(304.139.630.657)	(449.066.310.096)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(161.227.938.390)	(181.415.936.076)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(69.390.952.843)	(4.272.499.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		688.786.560.166	760.398.400.599
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(133.415.361.817)	(128.522.418.176)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		16.041.332.458	-
3. Tiền thu hồi từ đáo hạn tiền gửi ngân hàng	24		-	30.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		13.481.939.407	3.915.689.106
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(103.892.089.952)	(94.606.729.070)

Cho quý III kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			QIII.2016	QIII.2015
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.853.707.043.902	3.555.150.965.903
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.449.862.602.950)	(4.174.713.074.438)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(45.458.000)	(37.125.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(596.201.017.048)	(619.599.233.535)
Lưu chuyển tiền thuần trong quý	50		(11.306.546.834)	46.192.437.994
Tiền và tương đương tiền đầu quý	60	V.1	345.519.758.971	219.000.746.505
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(5.988.526)	147.836.849
Tiền và tương đương tiền cuối quý	70	V.1	334.207.223.611	265.341.021.348

TP.HCM, ngày 20 tháng 10 năm 2016



Nguyễn Thị Loan
 Người lập biểu



Lê Thị Phương Dung
 Trưởng Phòng Tài Chính Kế Toán



Nguyễn Tuấn Anh
 Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, P.Cầu Kho, Q1, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý III kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất và mua bán xi măng và các sản phẩm từ xi măng, vật liệu xây dựng (gạch, ngói, vữa xây tô, bê tông), clinker, nguyên vật liệu, vật tư xây dựng; xây dựng dân dụng; kinh doanh bất động sản (cho thuê văn phòng); khai thác đá, cát, sỏi, và đất sét; và thu gom, xử lý rác thải, tái chế phế liệu.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**: 12 tháng

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Kỳ kế toán năm**
Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán của Công ty là VNĐ.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư số 200") và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200, và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Hình thức sổ kế toán áp dụng**
Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

- Tiền**
Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.
- Hàng tồn kho**
Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.
Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.
Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:
 - Nguyên vật liệu - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
 - Thành phẩm và sản phẩm dở dang

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIẾN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, P.Cầu Kho, Q1, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý III kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu trừ lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu trừ lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất được mua hoặc thuê bởi Công ty. Thời gian hữu dụng của các quyền sử dụng đất được xác định hoặc có thời hạn hoặc vô thời hạn. Theo đó, các quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng có thời hạn, chủ yếu bao gồm tiền thuê đất được phân bổ theo thời gian thuê, trong khi các quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng vô thời hạn thì không được phân bổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, P.Cầu Kho, Q1, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý III kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

6. Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	4 - 20 năm
Phương tiện vận tải	6 - 30 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm vi tính	3 - 8 năm
Bản quyền	3 - 8 năm
Tài sản cố định khác	5 - 25 năm

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

8. Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết say ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

10. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

11. Dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

12. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn của Thông tư 200 về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, P.Cầu Kho, Q1, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý III kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

nơi Công ty mở tài khoản; các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

13. Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

14. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán

15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được đo lường bằng giá trị hợp lý của các khoản phải thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu đối với giao dịch bán hàng theo chương trình dành cho khách hàng truyền thống

Doanh thu được ghi nhận là tổng số tiền phải thu hoặc đã thu trừ đi giá trị hợp lý của hàng hóa phải cung cấp miễn phí hoặc số phải chiết khấu, giảm giá cho người mua. Giá trị hợp lý của hàng hóa phải cung cấp miễn phí hoặc số phải chiết khấu, giảm giá cho người mua được ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện. Khoản doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng khi:

- Đến hết thời hạn của chương trình mà người mua không đạt đủ điều kiện theo quy định của chương trình và không được hưởng hàng hóa miễn phí hoặc chiết khấu giảm giá; hoặc
- Người mua đạt được đủ điều kiện theo quy định của chương trình và Công ty đã thực hiện xong nghĩa vụ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIẾN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, P.Cầu Kho, Q1, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý III kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

Tài sản thuế TNDN và thuế TNDN phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế TNDN hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế TNDN hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế TNDN hiện hành phải trả và tài sản thuế TNDN hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế TNDN của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế TNDN hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải nộp và các tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả liên quan tới thuế TNDN được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế TNDN hiện hành phải trả và tài sản thuế TNDN hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ trong tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế TNDN hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế TNDN hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, P.Cầu Kho, Q1, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý III kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**1. Tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền mặt	1.148.923.758	437.038.071
Tiền gửi ngân hàng	333.058.299.853	345.082.720.900
Cộng	<u>334.207.223.611</u>	<u>345.519.758.971</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a. Chứng khoán kinh doanh:						
Tổng giá trị cổ phiếu	10.776.291.414	6.247.816.100	(4.528.475.314)	10.776.291.414	7.188.937.000	(3.587.354.414)
- Cổ phiếu NH TMCP Ngoại thương Việt Nam	7.632.180.000	5.018.717.100	(2.613.462.900)	7.632.180.000	5.752.524.300	(1.879.655.700)
- Cổ phiếu khác	3.144.111.414	1.229.099.000	(1.915.012.414)	3.144.111.414	1.436.412.700	(1.707.698.714)

b. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Số lượng cổ phiếu	Giá trị
Đầu tư vào công ty liên kết		10.200.000.000		10.200.000.000
- Công ty TNHH Nguyễn Quang Sài Gòn Ô tô	-	10.200.000.000	-	10.200.000.000
Đầu tư vào các công ty khác		26.012.000.000		30.912.000.000
- Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	2.310.000	42.000.000.000	2.310.000	42.000.000.000
- Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao xi măng	700.000	14.000.000.000	700.000	14.000.000.000
- Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty khác		(23.961.000.000)		(25.088.000.000)
Tổng cộng		<u>42.239.000.000</u>		<u>41.112.000.000</u>

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải thu từ khách hàng	433.162.516.698	288.475.439.247
- Doanh nghiệp tư nhân Tân Xuân Anh	157.476.341.240	91.386.532.335
- Các khoản phải thu khách hàng khác	275.686.175.458	197.088.906.912
Phải thu từ các bên liên quan	949.787.915	35.191.756.179
Tổng cộng	<u>434.112.304.613</u>	<u>323.667.195.426</u>
Dự phòng phải thu khó đòi	(2.761.659.300)	(2.761.659.300)
Giá trị thuần	<u>431.350.645.313</u>	<u>320.905.536.126</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, P.Cầu Kho, Q1, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý III kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Chi tiết phải thu của các bên liên quan:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công Ty CP Vận Tải Hà Tiên	15.025.764	30.381.552
Công Ty CP Xi Măng Vicem Bút Sơn	-	172.095.000
Công Ty TNHH MTV Xi Măng Vicem Hải Phòng	-	50.832.600
Công Ty TNHH Xi Măng Holcim Việt Nam	233.104.410	34.938.447.027
Tổng Công Ty Công Nghiệp Xi Măng Việt Nam	701.657.741	-
Cộng	949.787.915	35.191.756.179

4. Phải thu khác

a. Ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Thuế GTGT chưa kê khai khấu trừ	7.314.523.114	13.803.507.823
Ứng trước cho hợp đồng hợp tác kinh doanh	3.294.450.480	3.294.450.480
Các khoản phải thu khác	5.949.166.594	8.714.352.133
Cộng	16.558.140.188	25.812.310.436
b. Dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Kỳ quỹ dài hạn	12.093.867.633	10.617.995.037

5. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	55.236.226.800		67.766.653.935	
Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	406.760.894.933	(10.276.668.223)	265.673.231.154	(34.769.605.664)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	57.932.107.368		56.132.031.790	
Thành phẩm	408.828.463.395		255.685.901.175	
Cộng	928.757.692.496	(10.276.668.223)	645.257.818.054	(34.769.605.664)

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, P.Cầu Kho, Q1, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý III kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tài sản hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	3.862.912.670.322	8.578.624.823.928	378.685.527.844	29.919.447.045	961.208.071.037	13.811.350.540.176
Mua trong năm	-	16.653.538.099	997.890.909	2.745.086.900	-	20.396.515.908
Đầu tư XDCB hoàn thành	5.771.940.971	-	-	-	-	5.771.940.971
Thanh lý, nhượng bán	(25.285.302.142)	(31.714.719.182)	(9.437.561.691)	(2.036.230.185)	(86.425.600)	(68.560.238.800)
Số cuối kỳ	3.843.399.309.151	8.563.563.642.845	370.245.857.062	30.628.303.760	961.121.645.437	13.768.958.758.255
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	1.028.638.153.283	3.192.956.761.963	226.226.280.239	24.100.036.624	196.810.033.175	4.668.731.265.284
Khấu hao trong năm	101.680.830.615	308.289.393.227	19.718.145.554	1.802.603.787	27.695.517.873	459.186.491.056
Thanh lý, nhượng bán	(25.271.063.756)	(31.714.719.182)	(9.437.561.691)	(2.036.230.185)	(86.425.600)	(68.546.000.414)
Số cuối kỳ	1.105.047.920.142	3.469.531.436.008	236.506.864.102	23.866.410.226	224.419.125.448	5.059.371.755.926
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	2.834.274.517.039	5.385.668.061.965	152.459.247.605	5.819.410.421	764.398.037.862	9.142.619.274.892
Số cuối năm	2.738.351.389.009	5.094.032.206.837	133.738.992.960	6.761.893.534	736.702.519.989	8.709.587.002.329

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	105.613.469.742	4.020.085.388	11.661.168.780	121.294.723.910
Mua trong năm	-	-	7.512.560.400	7.512.560.400
Số cuối kỳ	105.613.469.742	4.020.085.388	19.173.729.180	128.807.284.310
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	5.354.408.991	3.421.410.701	7.406.226.713	16.182.046.405
Khấu trừ trong năm	448.640.337	215.272.246	1.765.167.153	2.429.079.736
Số cuối kỳ	5.803.049.328	3.636.682.947	9.171.393.866	18.611.126.141
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	100.259.060.751	598.674.687	4.254.942.067	105.112.677.505
Số cuối kỳ	99.810.420.414	383.402.441	10.002.335.314	110.196.158.169

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, P.Cầu Kho, Q1, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý III kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Dự án tại Bình Phước	376.875.147.815	346.432.408.667
Dự án đường bộ BOT	492.565.622.471	440.963.414.668
Dự án tại Kiên Lương	180.115.198.266	170.129.626.493
Các công trình khác	88.043.446.882	55.854.080.087
Cộng	1.137.599.415.434	1.013.379.529.915

9. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
a. Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	4.625.492.974	2.383.604.564
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	3.410.807.498	1.239.096.000
Khác	4.516.252.496	517.565.392
Cộng	12.552.552.968	4.140.265.956
b. Dài hạn		
Chi phí giải phóng mặt bằng	28.503.692.865	29.051.840.810
Chi phí bốc tăng phủ	20.675.769.421	25.337.796.355
Khác	542.177.022	1.724.361.093
Cộng	49.721.639.308	56.113.998.258

10. Vay ngắn hạn và dài hạn**a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Trong kỳ				Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số kết chuyển trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	1.517.645.419.001	1.517.645.419.001	1.849.562.798.973	571.348.046.571	(2.449.862.602.950)	4.773.743.864	1.541.823.432.543	1.541.823.432.543
Cộng	1.517.645.419.001	1.517.645.419.001	1.849.562.798.973	571.348.046.571	(2.449.862.602.950)	4.773.743.864	1.541.823.432.543	1.541.823.432.543

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, P.Cầu Kho, Q1, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý III kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ		Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Trong kỳ Chênh lệch tỷ giá	Số kết chuyển trong kỳ	Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ				Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Trên 1 năm đến 5 năm	3.294.270.005.324	3.294.270.005.324	4.144.244.929	13.283.882.907	(250.675.409.941)	3.527.517.287.429	3.527.517.287.429
Trên 5 năm	568.833.888.719	568.833.888.719	-	-	(320.672.636.630)	889.506.525.349	889.506.525.349
Cộng	3.863.103.894.043	3.863.103.894.043	4.144.244.929	13.283.882.907	(571.348.046.571)	4.417.023.812.778	4.417.023.812.778

Chi tiết vay từ các bên liên quan:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tổng Công Ty Công Nghiệp Xi Măng Việt Nam	17.568.573.607	17.568.573.607
Công ty Tài Chính CP Xi măng	54.088.008.866	59.088.008.865
Cộng	71.656.582.473	76.656.582.472

11. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán	691.958.662.708	691.958.662.708	662.720.186.421	662.720.186.421
Phải trả cho các bên liên quan	163.095.177.911	163.095.177.911	248.397.401.007	248.397.401.007
Cộng	855.053.840.619	855.053.840.619	911.117.587.428	911.117.587.428

Chi tiết phải trả các bên liên quan:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tổng Công Ty Công Nghiệp Xi Măng Việt Nam	-	36.461.124.566
Công Ty CP Vận Tải Hà Tiên	104.854.017.958	118.470.471.001
Công ty CP Vicem Vật Tư Vận Tải Xi Măng	21.496.757.549	-
Công Ty Tư Vấn Đầu Tư Phát Triển Xi Măng	2.433.388.507	1.083.873.950
Công Ty CP Bao Bì Hà Tiên	3.317.140.000	1.689.179.360
Công ty CP Vicem Thạch Cao Xi Măng	2.238.500.000	-
Công Ty CP TM DV Vận Tải Xi Măng Hải Phòng	1.339.771.221	2.197.301.670
Công ty TNHH MTV Hạ Long	27.415.602.676	-
Công Ty CP Xi Măng Vicem Hải Vân	-	2.060.400.000
Xí Nghiệp Tiêu Thụ và Dịch Vụ Vicem Hoàng Thạch	-	86.435.050.460
Cộng	163.095.177.911	248.397.401.007

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIỀN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, P.Cầu Kho, Q1, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý III kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Thuế giá trị gia tăng	39.313.698.650	37.846.478.321
Thuế thu nhập doanh nghiệp	64.491.255.717	68.108.796.674
Thuế thu nhập cá nhân	2.116.500.393	1.522.843.579
Thuế tài nguyên	12.930.264.121	9.018.812.894
Các loại thuế khác	4.593.265.908	3.952.180.169
Cộng	123.444.984.789	120.449.111.637

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các sản phẩm và dịch vụ tiêu thụ nội địa của Công ty là 10%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

13. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Lãi vay	32.859.450.248	72.750.065.043
Khác	18.066.755.682	4.306.713.810
Cộng	50.926.205.930	77.056.778.853

14. Phải trả khác

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải trả các bên liên quan	-	50.000.000.000
Chi phí tài trợ giáo dục	17.500.000.000	25.000.000.000
Tài sản thừa chờ giải quyết	9.900.079.105	-
Kinh phí công đoàn	1.470.507.644	1.207.689.180
Các khoản phải trả khác	19.896.725.222	26.678.658.463
Cộng	48.767.311.971	102.886.347.643

Chi tiết phải trả các bên liên quan:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công Ty CP Vận Tải Hà Tiên	-	50.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, P.Cầu Kho, Q1, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý III kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

15. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn thể hiện khoản doanh thu chưa thực hiện chủ yếu phát sinh từ chương trình khách hàng truyền thống.

16. Dự phòng phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
a. Ngắn hạn		
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	33.228.181.487	32.457.499.416
Chi phí sửa chữa TSCĐ	121.373.667.866	-
Trợ cấp thôi việc	40.167.171.375	19.409.223.750
Cộng	194.769.020.728	51.866.723.166
b. Dài hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Chi phí phục hồi môi trường	5.787.180.794	5.883.800.194

17. Thuế thu nhập hoãn lại

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Quý III năm 2016	Quý III năm 2015
Chi phí phải trả	7.491.558.751	8.900.407.388	(20.714.000)	-
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.262.805	(1.834.716)	(2.050.312)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	7.492.821.556	8.898.572.672		
Thuế thu nhập hoãn lại			(22.764.312)	-

18. Vốn chủ sở hữu**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Vốn đầu tư của Nhà nước	2.534.188.240.000	2.534.188.240.000
Vốn góp của các cổ đông khác	645.811.760.000	645.811.760.000
Thặng dư vốn cổ phần	70.790.410.045	70.790.410.045
Cổ phiếu quỹ	(902.752.100)	(902.752.100)
Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.517.214.120	5.517.214.120
Cộng	3.255.404.872.065	3.255.404.872.065

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, P.Cầu Kho, Q1, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý III kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Các quỹ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Quỹ đầu tư phát triển	238.477.139.008	202.019.139.008
Cổ phiếu		
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu phát hành	318.000.000	318.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	318.000.000	318.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	318.000.000	318.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	48.000	48.000
- Cổ phiếu phổ thông	48.000	48.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	317.952.000	317.952.000
- Cổ phiếu phổ thông	317.952.000	317.952.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.		
19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán		
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
Nợ khó đòi đã xử lý	1.395.687.412	1.395.687.412
Ngoại tệ các loại:		
Dollar Mỹ (USD)	892.222	188.718
Euro (EUR)	111	95

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, P.Cầu Kho, Q1, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý III kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý III năm 2016	Quý III năm 2015
Tổng doanh thu	2.244.677.415.290	2.008.908.118.203
- Xi măng, clinker	2.219.054.830.103	1.967.061.208.736
- Vữa, gạch, cát ISO, khác	25.622.585.187	41.846.909.467
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
- Chiết khấu thương mại	130.740.529.050	99.900.920.180
Doanh thu thuần	<u>2.113.936.886.240</u>	<u>1.909.007.198.023</u>

2. Giá vốn hàng bán

	Quý III năm 2016	Quý III năm 2015
- Xi măng, clinker	1.612.841.470.783	1.427.238.335.682
- Vữa, gạch, cát ISO, khác	25.204.477.809	41.237.956.955
Cộng	<u>1.638.045.948.592</u>	<u>1.468.476.292.637</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý III năm 2016	Quý III năm 2015
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.068.895.018	163.423.625
Lãi chênh lệch tỷ giá	647.245.423	(80.430.167.703)
Doanh thu hoạt động tài chính khác	11.759.830.361	8.086.262.982
Cộng	<u>16.475.970.802</u>	<u>(72.180.481.096)</u>

4. Chi phí tài chính

	Quý III năm 2016	Quý III năm 2015
Chi phí lãi vay	86.145.792.107	101.454.419.994
Chiết khấu thanh toán	6.755.409.990	3.881.470.350
Lỗ chênh lệch tỷ giá	11.055.728.894	2.996.497.039
Dự phòng giảm giá chứng khoán	(3.364.436.500)	1.040.718.500
Cộng	<u>100.592.494.491</u>	<u>109.373.105.883</u>

5. Chi phí bán hàng

	Quý III năm 2016	Quý III năm 2015
Chi phí nhân viên	10.301.098.816	8.361.162.264
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.537.784.401	6.310.556.737
Chi phí bán hàng khác	9.482.161.495	6.072.274.960
Cộng	<u>36.321.044.712</u>	<u>20.743.993.961</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, P.Cầu Kho, Q1, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý III kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

6. Chi phí quản lý	Quý III năm 2016	Quý III năm 2015
Chi phí nhân viên	15.470.091.060	13.210.145.033
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.269.355.608	6.838.999.793
Chi phí lợi thế thương mại	-	26.958.713.502
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	8.958.049.978	14.799.424.977
Cộng	<u>42.697.496.646</u>	<u>61.807.283.305</u>
7. Thu nhập khác	Quý III năm 2016	Quý III năm 2015
Lãi do thanh lý tài sản cố định	2.649.766.787	-
Thu nhập khác	7.548.877.831	320.312.128
Cộng	<u>10.198.644.618</u>	<u>320.312.128</u>
8. Chi phí khác	Quý III năm 2016	Quý III năm 2015
Chi phí khác	498.238.636	115.303.799
Cộng	<u>498.238.636</u>	<u>115.303.799</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, P.Cầu Kho, Q1, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý III kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong các báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2016



Nguyễn Thị Loan
Người lập biểu



Lê Thị Phương Dung
Trưởng Phòng Tài Chính Kế Toán



Nguyễn Tuấn Anh
Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, P. Cầu Kho, Q1, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý III kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	3.180.000.000.000	70.790.410.045	(902.752.100)	5.517.214.120	-	142.991.341.928	315.595.141.025	3.713.991.355.018
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	738.694.490.852	738.694.490.852
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	59.027.797.080	(85.262.373.560)	(26.234.576.480)
Số dư cuối năm trước	3.180.000.000.000	70.790.410.045	(902.752.100)	5.517.214.120	-	202.019.139.008	969.027.258.317	4.426.451.269.390
Số dư đầu kỳ	3.180.000.000.000	70.790.410.045	(902.752.100)	5.517.214.120	-	202.019.139.008	969.027.258.317	4.426.451.269.390
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	629.035.838.615	629.035.838.615
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	36.458.000.000	(149.418.000.000)	(112.960.000.000)
Số dư cuối kỳ	3.180.000.000.000	70.790.410.045	(902.752.100)	5.517.214.120	-	238.477.139.008	1.448.645.096.932	4.942.527.108.005